TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-PT
Ngày 14-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến

Ông Phạm Văn Tuệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Tống Văn Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 113/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn do có kháng cáo của các bị cáo Tô Văn D, Lê Văn Đ đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 132/2024/HS-ST, ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Tô Văn D; tên gọi khác: Không; sinh ngày 28 tháng 10 năm 1967 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi thường trú và chỗ ở: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; số căn cước công dân: 0200670058xx cấp ngày 12/4/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị N; có vợ là Hà Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Là Đảng viên, sinh hoạt tại Đảng bộ thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 135/QĐ/UBKTHU ngày 01/7/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy B, tỉnh Lạng Sơn. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/02/2024 đến nay; có mặt;

2. Lê Văn Đ; tên gọi khác: Không; sinh ngày 17 tháng 10 năm 1972 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi thường trú và chỗ ở: Số 31x, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; số căn cước công dân: 0200720095xx cấp ngày 28/6/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội; nghề nghiệp: Kinh

doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H (đã chết) và bà Vũ Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Phương N và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị tạm giam từ ngày 08/5/2024, đến ngày 06/6/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh; có mặt.

- Có 05 bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra, Nguyễn Đình K khai nhận: Ngày 26/10/2020, Nguyễn Đình K và ông Phạm Xuân V cùng thành lập Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng T do ông Phạm Xuân V đứng tên trên giấy đăng ký kinh doanh và giữ chức danh Giám đốc, Nguyễn Đình K giữ chức danh Phó Giám đốc.

Ngày 21/5/2021, Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng T thành lập Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình xây dựng LAS-XD 863, chuyên thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình xây dựng với 06 nhân viên Phòng thí nghiệm, gồm: Phùng Văn H, giữ chức vụ Trưởng phòng; Nguyễn Minh G, Nguyễn Kỳ G, Ngô Minh T, Luân Văn X đều là thí nghiệm viên. Nguyễn Đình K tham gia làm thí nghiệm viên.

Sau khi thành lập, Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng T đã nhận và tiến hành thực hiện các hồ sơ thí nghiệm đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn khi có đơn vị, cá nhân yêu cầu. Ngoài các hồ sơ làm theo quy định về thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng thì Nguyễn Đình K đã làm giả 07 hồ sơ kiểm định chất lượng của 07 công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Nguyễn Đình K không tiến hành thu thập mẫu tại các công trình theo quy định mà sử dụng mẫu chữ ký có sẵn của các thành viên Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình xây dựng L đã được Nguyễn Đình K chuẩn bị trước để ký vào các phiếu kết quả rồi đóng dấu và chuyển cho người đã yêu cầu làm hồ sơ để hưởng lợi. Hồ sơ Nguyễn Đình K đã làm giả gồm:

1. Công trình Sửa chữa hệ thống rãnh thoát nước, xây hộ lan đường ĐH.62 K - Q, ĐH.63 B - M; xây kè đường T - P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn thi công tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Công trình do Phòng Kinh tế hạ tầng huyện B, tỉnh Lạng Sơn làm chủ đầu tư; Công ty TNHH T thi công và Công ty TNHH MTV xây dựng và Thương mại H tư vấn giám sát.

2. Công trình Sửa chữa, bảo trì Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn thi công tại đường L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Công trình do Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn làm chủ đầu tư; Công ty TNHH xây dựng Đ thi công và Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H là tư vấn giám sát.

3. Công trình Hệ thống cấp nước tập trung xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Nâng cấp đường nước sinh hoạt xóm B, thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn - Giai đoạn 2) thi công tại xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Công trình do Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn làm chủ đầu tư. Công ty TNHH TS thi công và Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng M là tư vấn giám sát.

Quá trình Nguyễn Đình K và các đồng phạm đã thực hiện hành vi làm giả hồ sơ kết quả thí nghiệm cụ thể như sau:

1. Đối với công trình Sửa chữa hệ thống rãnh thoát nước, xây hộ lan đường ĐH.62 K - Q, ĐH.63 B - M; xây kè đường T - P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn: Công trình thi công từ ngày 10/12/2022 đến ngày 28/12/2022 thi công xong. Khoảng tháng 12/2022, Tô Văn D là Giám đốc công ty TNHH T cung cấp hồ sơ, tài liệu của công trình cho con trai là Tô Tuấn D và nhờ Tô Tuấn D tìm đơn vị làm thí nghiệm cho công trình. Ngày 06/02/2023, Tô Tuấn D liên hệ với Nguyễn Đình K để làm hồ sơ kết quả thí nghiệm và được Nguyễn Đình K đồng ý. Sau đó, Tô Tuấn D tổng hợp các số liệu của công trình từ hồ sơ công trình (gồm có bản vẽ thi công, dự toán công trình) do Tô Văn D cung cấp, rồi gửi cho Nguyễn Đình K để làm hồ sơ kết quả thí nghiệm. Đồng thời, Tô Tuấn D bảo Nguyễn Đình K liên hệ với Tô Văn D để trao đổi về việc làm hồ sơ. Nguyễn Đình K tự liên hệ và được Tô Văn D đồng ý để Nguyễn Đình K làm hồ sơ kết quả thí nghiệm cho công trình, Tô Văn D nói với Nguyễn Đình K mọi việc liên quan đến làm kết quả thí nghiệm Nguyễn Đình K liên hệ với Tô Tuấn D. Do công trình đã thi công xong, Nguyễn Đình K không tiến hành lấy mẫu thí nghiệm tại công trình được mà dựa vào các số liệu do Tô Tuấn D cung cấp để tự làm giả 27 phiếu kết quả thí nghiệm rồi giao cho Tô Văn D. Ngày 09/02/2023, sau khi nhận được hồ sơ kết quả thí nghiệm giả, Tô Văn D đã thanh toán số tiền 4.000.000 đồng cho Nguyễn Đình K. Sau đó, Nguyễn Đình K cho Tô Tuấn D 300.000 đồng là tiền môi giới. Tô Văn D tập hợp hồ sơ hoàn công công trình cho Nông Quang T là đại diện đơn vị giám sát công trình để xem xét việc hồ sơ đã hoàn thiện hay chưa. Nông Quang T xem hồ sơ và giao lại cho Tô Văn D. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B đồng ý cho Tô Văn D hoàn thiện hồ sơ công trình sau khi kết thúc thi công nên hồ sơ kết quả thí nghiệm của công trình vẫn do Tô Văn D quản lý. Ngày 16/01/2023 và ngày 27/12/2023 Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã quyết toán số tiền 906.937.000 đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

2. Đối với công trình Sửa chữa, bảo trì Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn: Công trình thi công từ ngày 25/4/2023 đến ngày 30/7/2023 thi công xong. Khoảng tháng 4/2023, Hoàng Hùng M được anh Lý Hoàng Đ giới thiệu với Vũ Đỗ T (là Phó giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Đ) để làm hồ sơ công trình. Vũ Đỗ T đồng ý và cung cấp hồ sơ, tài liệu của công trình cho Lý Hoàng Đ rồi Lý Hoàng Đ giao lại cho Hoàng Hùng M. Tại thời điểm cuối tháng 4/2023 công trình bắt đầu thi công, Vũ Đỗ T thỏa thuận giao khoán toàn bộ hồ sơ cho Hoàng Hùng M thực hiện. Ngày 15/8/2023,

Hoàng Hùng M liên hệ với Nguyễn Đình K để làm hồ sơ kết quả thí nghiệm cho công trình. Sau đó, Hoàng Hùng M tự tổng hợp các thông tin, số liệu về nguyên vật liệu, cấu kiện công trình từ hồ sơ, tài liệu rồi gửi cho Nguyễn Đình K để Nguyễn Đình K làm hồ sơ kết quả thí nghiệm. Do công trình đã thi công xong, Nguyễn Đình K không thể tiến hành lấy mẫu thí nghiệm tại công trình mà dựa vào các số liệu do Hoàng Hùng M gửi cho để tự làm giả 18 phiếu kết quả thí nghiệm rồi giao cho Hoàng Hùng M. Sau khi nhận hồ sơ kết quả thí nghiệm, Hoàng Hùng M tập hợp lại bộ hồ sơ hoàn công (bao gồm hồ sơ kết quả thí nghiệm do Nguyễn Đình K cung cấp) rồi nhờ Lý Hoàng Đ giao cho công ty TNHH Xây dựng Đ và thông báo cho anh Vũ Đỗ T biết. Sau đó, Vũ Đỗ T đã thanh toán số tiền 2.500.000 đồng cho Nguyễn Đình K. Lý Hoàng Đ tiếp tục được Vũ Đỗ T nhờ chuyển hồ sơ hoàn công của công trình cho ông Lưu Văn R là Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng H quản lý. Ngày 27/7/2023 và 09/11/2023, Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng đã thanh toán tổng số tiền 1.715.737.000 đồng cho công ty TNHH Xây dựng Đ.

3. Đối với công trình Hệ thống cấp nước tập trung xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Nâng cấp đường nước sinh hoạt xóm B, thôn Q, xã Q - Giai đoạn 2): Công trình thi công từ tháng 5/2021 đến ngày 05/10/2022 thi công xong nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ hoàn công (trong đó có hồ sơ kết quả thí nghiệm của công trình) để quyết toán với chủ đầu tư. Tháng 8/2023, Lê Văn Đ là Giám đốc Công ty TNHH MTV TS liên hệ, nhờ Lê Tiến D làm hồ sơ công trình và Lê Tiến D đồng ý làm giúp phần hồ sơ thiết kế. Sau đó, Lê Văn Đ cung cấp hồ sơ, tài liệu của công trình cho Lê Tiến D. Lê Tiến D làm xong phần hồ sơ thiết kế thì Lê Văn Đ nhờ Lê Tiến D hoàn thiện hồ sơ hoàn công công trình. Lê Tiến D giới thiệu Bùi Xuân D với Lê Văn Đ để tiếp tục làm hồ sơ cho công trình thì Lê Văn Đ đồng ý. Lê Tiến D chuyển hồ sơ, tài liệu của công trình (do Lê Văn Đ cung cấp) cho Bùi Xuân D.

Ngày 15/9/2023, Bùi Xuân D tự tổng hợp danh sách, thông tin vật liệu, cấu kiện cần thí nghiệm rồi liên hệ và cung cấp cho Nguyễn Đình K để Nguyễn Đình K làm hồ sơ kết quả thí nghiệm cho công trình. Quá trình làm hồ sơ, Lê Tiến D được Bùi Xuân D trao đổi về việc liên hệ với Nguyễn Đình K để làm hồ sơ kết quả thí nghiệm thì Lê Tiến D đồng ý. Do công trình đã thi công xong, Nguyễn Đình K không thể tiến hành lấy mẫu thí nghiệm tại công trình mà dựa vào các số liệu do Bùi Xuân D cung cấp để tự làm giả 39 phiếu kết quả thí nghiệm. Ngày 02/10/2023, Nguyễn Đình K làm xong hồ sơ kết quả thí nghiệm rồi giao cho Bùi Xuân D. Bùi Xuân D và Nguyễn Đình K trao đổi thỏa thuận giá làm hồ sơ là 3.500.000 đồng. Nguyễn Đình K chưa được thanh toán tiền làm hồ sơ. Sau đó, Bùi Xuân D tập hợp các phiếu kết quả thí nghiệm vào bộ hồ sơ hoàn công công trình rồi báo cho Công ty của Lê Văn Đ đã làm xong hồ sơ, Lê Văn Đ chỉ đạo Đinh Quốc Đạt đi nhận hồ sơ. Sau khi nhận hồ sơ, Đinh Quốc Đạt giao lại hồ sơ cho Công ty TNHH MTV TS và thanh toán cho Bùi Xuân D số tiền 5.000.000 đồng theo chỉ đạo của Lê Văn Đ. Lê Văn Đ chỉ đạo bà Nguyễn Thị Phương L là kế toán của Công ty tập hợp hồ sơ hoàn công công

trình (trong đó có bộ hồ sơ kết quả thí nghiệm giả do Nguyễn Đình K làm) rồi chuyển cho Ủy ban nhân dân xã Q để thẩm định. Tháng 6/2021, tháng 01/2023 và tháng 01/2024, Ủy ban nhân dân xã Q đã thanh toán tổng số tiền 657.210.000 đồng cho Công ty TNHH MTV TS.

Các bị cáo Tô Văn D, Tô Tuấn D, Hoàng Hùng M, Lê Văn Đ, Bùi Xuân D, Lê Tiến D trong quá trình điều tra đều trình bày được thực hiện hành vi làm giả tài liệu như trên.

Tại Kết luận giám định số 659/KL-KTHS ngày 07/6/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình Sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chữ ký của Phạm Xuân V, Phùng Văn H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Minh G, Luân Văn X trên các Phiếu kết quả thí nghiệm Cơ quan điều tra đã tạm giữ là chữ ký sao chụp.

Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2024/HS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ khoản 3, 4 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 47, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Tô Văn D, Lê Văn Đ mỗi bị cáo 03 năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; bị cáo Lê Văn Đ được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 08/5/2024 đến ngày 06/6/2024

Phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Đình K tù giam và tổng hợp hình phạt với bản án khác chưa thi hành; các bị cáo Hoàng Hùng M, Tô Tuấn D, Bùi Xuân D, Lê Tiến D mỗi bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo, áp dụng biện pháp tư pháp, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Tô Văn D, Lê Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân và giữ nguyên phần kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Lê Văn Đ xin rút kháng cáo phần tiền phạt bổ sung.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định, hợp lệ theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Tô Văn D, Lê Văn Đ mỗi bị cáo 03 năm tù về tội danh Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo 03 năm là đã phù hợp, đúng quy định pháp luật nhưng xử tù giam là không cần thiết vì các bị cáo tham gia nhiều hoạt động thiện nguyện được cấp có thẩm quyền khen thưởng. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới, làm căn cứ cho kháng cáo của mình, cụ thể, bị cáo Tô Văn D xuất trình 01 biên bản giám định y khoa, 01 biên lai thu tiền 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung, 01 Phiếu thu 1.000.000 đồng ủng hộ "*Tết nhân ái*" xuân Ất tỵ

năm 2025; bị cáo Lê Văn Đ xuất trình 01 đơn xin giảm nhẹ kèm theo bản sao Bằng khen, Giấy khen, Kỷ niệm trương vì sự nghiệp giáo dục mang tên Nguyễn Thị Phương N là vợ của bị cáo; 01 biên lai nộp tiền 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung; biên bản xác nhận tài trợ của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn 2.000.000 đồng; ủng hộ 10.000.000 đồng của Hội Doanh nhân trẻ, 01 biên bản xác nhận tài trợ số tiền ủng hộ gia đình ông Lộc Văn L, Lộc Văn K bị ảnh hưởng cơn bão số 3; 01 bản sao Bằng khen của ông Lê H là bố đẻ của bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà các bị cáo được hưởng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; chấp nhận kháng xin được hưởng án treo của các bị cáo, sửa Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2024/HS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; giữ nguyên mức hình phạt 03 năm tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách 05 năm theo quy định của pháp luật; các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Mặt khác, cấp sơ thẩm không áp dụng điểm a của khoản 3 Điều 341 là là thiếu sót, đề nghị cấp phúc thẩm cần khắc phục thiếu sót này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Tô Văn D, Lê Văn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung của bản án sơ thẩm; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có cơ sở kết luận: Trong năm 2023, Nguyễn Đình K đã làm giả 03 bộ hồ sơ kết quả thí nghiệm gồm 84 tài liệu, trong đó: Đối với công trình xây dựng Sửa chữa hệ thống rãnh thoát nước, xây hộ lan đường ĐH.62 K - Q, ĐH.63 B - M; xây kè đường T - P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, trong đó Tô Văn D và Tô Tuấn D đã cung cấp thông tin giúp sức cho Nguyễn Đình K làm giả 27 tài liệu đối với công trình xây dựng Sửa chữa hệ thống rãnh thoát nước, xây hộ lan đường ĐH.62 K - Q, ĐH.63 B - M; xây kè đường T - Pa, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Lê Văn Đ, Bùi Xuân D, Lê Tiến D đã cung cấp thông tin giúp sức cho Nguyễn Đình K làm giả 39 tài liệu đối với công trình Hệ thống cấp nước tập trung xã Quảng Lạc. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; cụ thể: Quá trình điều tra và tại phiên tòa phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân và có nhiều thành tích được tặng nhiều Bằng khen, có người thân được Nhà

nước tặng Huân chương kháng chiến; bản thân các bị cáo ủng hộ nhiều loại quỹ. Do vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; phạm tội lần đầu. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo mức hình phạt 03 (ba) năm tù là phù hợp.

[3] Tại cấp phúc thẩm các bị cáo xuất trình thêm được các tài liệu, chứng cứ mới, làm căn cứ cho kháng cáo của mình, cụ thể: Bị cáo Tô Văn D xuất trình 01 biên bản giám định y khoa, 01 biên lai thu tiền của bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung, 01 Phiếu thu 1.000.000 đồng ủng hộ "*Tết nhân ái*" xuân Ất tỵ năm 2025; bị cáo Lê Văn Đ xuất trình 01 đơn xin giảm nhẹ kèm theo nhiều bản sao Bằng khen, Giấy khen, Kỷ niệm trương vì sự nghiệp giáo dục mang tên Nguyễn Thị Phương N là vợ của bị cáo; 01 biên lại nộp tiền 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung; biên bản xác nhận tài trợ của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn 2.000.000 đồng; ủng hộ 10.000.000 đồng của Hội Doanh nhân trẻ, 01 biên bản xác nhận số tiền ủng hộ gia đình ông Lộc Văn L, Lộc Văn K bị ảnh hưởng cơn bão số 3; Giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền thể hiện bị cáo tham gia nhiều phòng trào thiện nguyện được cấp có thẩm quyền khen thưởng; 01 bản sao Bằng khen của ông Lê H là bố đẻ của bị cáo, đây là những tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, cần áp dụng thêm cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Do có thêm tình tiết giảm nhẹ mới như đã phân tích ở phần trên, xét thấy các bị cáo Tô Văn D, Lê Văn Đ bị phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình sinh sống tại địa phương các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm; các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo. Từ những phân tích trên, sửa Quyết định của Bản án sơ thẩm giữ nguyên về mức phần hình phạt tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật đối với các bị cáo.

[5] Tuy nhiên cấp sơ thẩm khi áp dụng pháp luật chỉ căn cứ tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng lại không áp dụng điểm a của khoản 3 Điều luật là thiếu sót, cấp phúc thẩm cần khắc phục thiếu sót này.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các phần Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Tô Văn D, Lê Văn Đ. Sửa về phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo Tô Văn D, Lê Văn Đ, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Tô Văn D, Lê Văn Đ.

Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hình phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo Tô Văn D 03 (ba) năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 14/01/2025. Giao bị cáo Tô Văn D cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.2. Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 03 (ba) năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 14/01/2025. Giao bị cáo Lê Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Các bị cáo Tô Văn D, Lê Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ,Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Đức Trí